

**Phụ lục 1. Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh,
danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học
(hướng dẫn độc lập/chính) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh đợt 2 năm 2026**
(Kèm theo Thông báo số 1136/TB-ĐHNN ngày 02 tháng 7 năm 2026
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

1.1. Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh: (Trích khoản 1 của Điều 35 về Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ hướng dẫn của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN, ngày 21 tháng 19 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

a) Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại khoản 1, Điều 34 của Quy chế này, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng các quy định tại khoản 1, Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;
- Người hướng dẫn có học vị tiến sĩ (chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư) thì phải có **tối thiểu 01 năm (12 tháng)** làm công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;
- **Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập** phải có chức **danh giáo sư hoặc phó giáo sư** hoặc có học vị tiến sĩ khoa học;
- **Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở** hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trở lên.

b) **Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh**, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn (không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ) phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn như sau: **Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);**

- Cán bộ cơ hữu có thể hiểu là: có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại đơn vị đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

c) Ngoài tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại điểm b như trên, tiến sĩ chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư nhưng có kết quả nghiên cứu xuất sắc (có tối thiểu 01 công bố khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus/năm liên tục trong 3 năm gần nhất) có thể được ĐHQGHN xem xét cho phép làm hướng dẫn chính hoặc hướng dẫn độc tới đa 3 nghiên cứu sinh.

1.2. Quyền hạn của người hướng dẫn

a) Giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn phụ hoặc hướng dẫn độc lập (trong trường hợp đáp ứng yêu cầu tại điểm c, khoản 1, Điều này) tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh;

b) Các trường hợp cán bộ hướng dẫn đáp ứng các tiêu chuẩn ở các điểm a và điểm b, khoản 1, Điều này và đã hướng dẫn đủ số nghiên cứu sinh như quy định tại điểm a nêu trên, **nhưng có năng lực nghiên cứu xuất sắc (là tác giả chính của tối thiểu 03 công bố khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus/năm, liên tục trong 3 năm gần nhất) hoặc có đề tài lớn đủ cấp học bổng hỗ trợ cho nghiên cứu sinh, đơn vị đào tạo có thể đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét cho phép điều chỉnh tăng số lượng nghiên cứu sinh được phép hướng dẫn;**

c) Cán bộ hướng dẫn luận án có quyền từ chối hướng dẫn nghiên cứu sinh và thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo trong các trường hợp:

- Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại điểm a nêu trên;
- Sau 03 tháng kể từ ngày nhận quyết định cử cán bộ hướng dẫn mà nghiên cứu sinh không liên hệ hoặc nghiên cứu sinh không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.

1.3. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn độc lập/chính) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh (Danh sách cán bộ khoa học dưới đây được gọi ý có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, thí sinh có thể **căn cứ các Tiêu chí và quyền hạn của người hướng dẫn tại mục 1.1 và 1.2** ở trên để mời cán bộ khoa học làm cán bộ hướng dẫn (độc lập/chính/phụ/đồng hướng dẫn) cho mình)

1.3.1. Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Phân tích diễn ngôn Phân tích diễn ngôn phê phán	GS. TS. Nguyễn Hòa PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Tâm
2	Giao tiếp giao văn hóa	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng PGS. TS. Nguyễn Văn Trào
3	Ngữ pháp chức năng	GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Trần Văn Phước PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Tâm
4	Nghiên cứu dịch thuật	PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Lâm Quang Đông GS. TS. Hoàng Văn Vân
5	Ngữ nghĩa học	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Võ Đại Quang GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Tâm
6	Văn học Ngôn ngữ văn học	GS. TS. Nguyễn Hòa PGS. TS. Phan Văn Quế

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
7	Ngôn ngữ học tri nhận	PGS. TS. Lâm Quang Đông PGS. TS. Nguyễn Văn Trào PGS. TS. Ngô Xuân Phương PGS. TS. Nguyễn Hữu Độ PGS. TS. Trần Văn Phước
8	Tiếng Anh toàn cầu	GS. TS. Nguyễn Hòa GS. TS. Hoàng Văn Vân GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng
9	Dụng học Dụng học giao văn hóa	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng PGS. TS. Kiều Thị Thu Hương
10	So sánh đối chiếu các ngôn ngữ	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Võ Đại Quang PGS. TS. Nguyễn Văn Độ

1.3.2. Chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Những vấn đề liên quan đến người học: - Phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực riêng biệt của người học trong môi trường xã hội đa dạng, nhằm đạt được mục đích cá nhân và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa - Việc hình thành căn tính của người học trong quá trình học ngoại ngữ - Các yếu tố tâm lý của người học ảnh hưởng tới quá trình học tiếng Anh - Các vấn đề liên quan tới trí tuệ cảm xúc của người học - Động lực học tiếng Anh và sự sẵn sàng giao tiếp - Các chiến lược học và năng lực tự quyết của người học - Tác động của khát vọng học tiếng Anh tới kết quả học tập - Các đường hướng dạy học liên quan tới tính riêng biệt của người học: dạy học phân hoá, cá thể hoá trong dạy học, tính tự chủ của người học v.v - Giảng dạy tiếng Anh cho người có nhu cầu đặc biệt	PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS. TS. Vũ Thị Thanh Nhã
2	Những vấn đề liên quan đến phát triển nghiệp vụ của giáo viên: - Vai trò của việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trong việc hình thành bản ngã dạy học - Những phương pháp phát triển năng lực nghiệp vụ của giáo viên - Vai trò của cộng đồng học tập đối với việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh / năng lực chuyên môn của giáo viên - Vai trò của giảng dạy phản tư (chiêm nghiệm) đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên - Việc kiến tạo, tái kiến tạo nhân diện của giáo viên	GS. TS. Nguyễn Hòa PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Văn Trào PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS. TS. Vũ Thị Thanh Nhã

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
	- Tác động của việc tham gia nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên	
3	Những vấn đề liên quan đến chính sách giáo dục: - Tác động của chính sách giáo dục và việc thực thi chính sách đó đối với phương pháp dạy học trên lớp của giáo viên - Những thách thức trong việc thực thi chủ trương dạy học theo chuẩn năng lực - Tác động của chính sách sử dụng tiếng Anh để dạy các môn khoa học đối với kết quả học tập của học sinh - Chính sách giáo dục song ngữ/ giảng dạy tiếng Anh tích hợp với nội dung chuyên ngành - Nghiên cứu về chủ trương từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học - Phát triển bền vững trong dạy học tiếng Anh	GS. TS. Nguyễn Hòa GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Văn Trào PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS. TS. Vũ Thị Thanh Nhã
4	Những vấn đề liên quan đến sử dụng công nghệ trong dạy học: - Chính sách của quốc gia về chuyển đổi số và ứng dụng trong dạy học tiếng Anh - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học tiếng Anh: Chatbot AI và trợ lý giảng dạy thông minh; Công cụ đánh giá bài viết tự động (Automated Essay Scoring); Cá nhân hóa học tập bằng AI; chính sách sử dụng AI v.v - Học tập kết hợp và giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến: Học trực tuyến; Hiệu quả của MOOCs đối với người học tiếng Anh; Học tập di động (Mobile-Assisted Language Learning - MALL) v.v - Những chiến lược học sinh và giáo viên dùng để sử dụng công nghệ nhằm tiếp cận với ngôn ngữ tự nhiên - Những chiến lược giáo viên sử dụng công nghệ để phát triển nghiệp vụ và hiệu quả của những chiến lược đó - Sử dụng công nghệ để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho học sinh - Vai trò của công nghệ (ví dụ Google docs, blogging, v.v,) trong việc khuyến khích việc tự đánh giá đồng đẳng trong học sinh - Tác động của việc kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học có sử dụng công nghệ đối với việc hình thành năng lực học độc lập	GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Phạm Ngọc Thạch PGS. TS. Nguyễn Văn Long PGS. TS. Nguyễn Tất Thắng
5	Những vấn đề liên quan đến dạy học liên văn hóa: - Tín niệm và thực tế giảng dạy của giáo viên về đường hướng dạy ngoại ngữ liên văn hóa	GS. TS. Nguyễn Văn Quang GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
	- Vai trò của văn hóa quần chúng trong việc thúc đẩy học ngoại ngữ - Phát triển các kỹ năng của thế kỷ 21 cho người học qua giáo dục ngoại ngữ - Nhân diện và quá trình hoà nhập ngôn ngữ - Chuyển mã, linh hoạt ngôn ngữ và sự thương lượng bản sắc trong lớp học tiếng Anh	PGS. TS. Nguyễn Văn Trào
6	Những vấn đề liên quan đến thực hành giảng dạy trên lớp của giáo viên: - Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh - Tín niệm về đánh giá và thực tế thực hiện về việc đánh giá kết quả học tập của học sinh trong giờ học - Lồng ghép mục tiêu giáo dục công dân toàn cầu vào giờ học tiếng Anh - Thực hiện phương pháp sư phạm phản biện xã hội trong lớp học ngoại ngữ - Những cải tiến về phương pháp giáo viên sử dụng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ/ từ vựng/ngữ pháp cho học sinh - Phương pháp nhận xét phản hồi của giáo viên đối với kết quả học tập của học sinh	PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS. TS. Vũ Thị Thanh Nhã
7	Những vấn đề liên quan đến tư liệu giảng dạy/ sách giáo khoa: - Đánh giá sách giáo khoa/ học liệu theo lý thuyết phương pháp sư phạm phản biện xã hội - Đánh giá sách giáo khoa/ học liệu theo lý thuyết liên văn hóa - Tín niệm của giáo viên về vai trò của sách giáo khoa/ học liệu và thực tế sử dụng sách giáo khoa/ học liệu trong lớp học	PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS. TS. Vũ Thị Thanh Nhã

1.3.3. Ngành Ngôn ngữ Nga

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Thành ngữ: - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến các phần riêng biệt của cơ thể người từ góc độ của người nói tiếng Việt. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến việc cảm nhận hiện thực khách quan của người Nga. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến hoạt động của con người dưới góc độ đối chiếu với tiếng Việt.	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS Đoàn Thục Anh
2	Từ vựng học: - Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của các nhóm từ vựng ngữ nghĩa trong các lĩnh vực khác nhau như: A. Thương mại B. Hợp đồng C. Quân sự D. Lễ hội, tập tục, truyền thống	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Trần Quang Bình PGS. TS Đoàn Thục Anh

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
	E. Biểu hiện tên gọi địa lí, tên người Nga, màu sắc, các hiện tượng thiên nhiên	
3	Các quan hệ ngữ nghĩa: - Quan hệ không gian trong tiếng Nga - Quan hệ tính ngữ trong tiếng Nga - Quan hệ đối lập trong tiếng Nga - Quan hệ nhượng bộ trong tiếng Nga	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS Đoàn Thục Anh
4	Cú pháp: - Đặc điểm cấu trúc ngữ nghĩa và đối chiếu các loại câu khác nhau của 2 ngôn ngữ Nga Việt, ví dụ như câu vô nhân xưng, câu nhân xưng khái quát, câu cầu khiến. - Liên từ và chữ liên từ dùng trong các cấu trúc câu khác nhau với các sắc thái ngữ nghĩa khác nhau.	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS Đoàn Thục Anh

1.3.4. Chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Nghiên cứu việc xây dựng (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy - học một (hoặc hơn một) kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) phù hợp điều kiện của cơ sở đào tạo dựa trên một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Vũ Ngọc Vinh
2	Xây dựng giáo trình cho một khóa học kèm theo phương pháp, thủ pháp dạy - học cho một đối tượng người học cụ thể.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Phạm Kim Ninh
3	Xây dựng tài liệu bổ trợ cho một kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) theo một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS. TS. Lưu Bá Minh GS. TS. Đỗ Đình Tổng
4	Xây dựng mới (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy-học một (hoặc hơn một) bình diện kiến thức (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Đất nước học) tiếng Nga cho một giai đoạn dạy-học cụ thể với đối tượng người Việt Nam.	PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh GS. TS. Đỗ Đình Tổng
5	Khảo sát, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đề xuất áp dụng hệ phương pháp, thủ pháp mới để cải tiến, nâng cao hiệu quả của một khóa học tiếng Nga.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Lưu Bá Minh
6	Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích những quan điểm dạy học ngoại ngữ phổ quát và hiện đại để đề xuất mới cơ sở lý luận cho một phương pháp dạy học tiếng Nga phù hợp điều kiện của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập sâu.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Nguyễn Văn Tư PGS. TS. Trần Quang Bình
7	Các yếu tố đất nước học, văn hóa, xã hội, nghệ thuật và vai trò hình thành năng lực tiếng cho người Việt trong quá trình dạy học tiếng Nga.	PGS. TS. Nguyễn Quý Mão PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Nguyễn Xuân Hòa
8	Sử dụng phương tiện kỹ thuật, các phương tiện dạy học khác nhau để hỗ trợ nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Nga.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Nguyễn Xuân Hòa
9	Nghiên cứu các hình thức và cách tiến hành các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài chương trình khóa học để hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga.	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Vũ Ngọc Vinh PGS. TS. Nguyễn Văn Tư PGS. TS. Phạm Kim Ninh

1.3.5. Ngành Ngôn ngữ Pháp

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Lĩnh vực ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa: Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ như phát âm, ngữ điệu, các loại từ, các hiện tượng ngữ pháp, các hiện tượng ngữ nghĩa	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Vũ Xuân Đoàn PGS. TS. Đường Công Minh PGS. TS. Nguyễn Văn Dung PGS. TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly
2	Lĩnh vực ngữ dụng: Nghiên cứu so sánh đối, chiếu các hành động ngôn ngữ, các kịch bản giao tiếp, các mối quan hệ liên nhân, các phương thức lịch sự...	PGS. TS. Trịnh Đức Thái PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đinh Hồng Vân PGS. TS. Nguyễn Văn Dung PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung
3	Giao tiếp liên văn hóa: Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng văn hóa, các biến thể văn hóa, các phương pháp phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Trịnh Đức Thái PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Nguyễn Thị Bình PGS. TS. Đinh Hồng Vân PGS. TS. Trịnh Văn Minh
4	Dịch thuật: Nghiên cứu các loại hình dịch thuật, so sánh các văn bản dịch với bản gốc, các thủ thuật ngôn ngữ trong dịch thuật	PGS. TS. Đinh Hồng Vân PGS. TS. Trịnh Đức Thái PGS. TS. Trần Đình Bình GS. TS. Vũ Văn Đại
5	Văn học, văn hóa: Nghiên cứu các phương thức, thủ thuật ngôn ngữ trong quá trình xây dựng văn bản văn học, xây dựng nhân vật	PGS. TS. Nguyễn Văn Dung PGS. TS. Nguyễn Thị Bình GS. TS. Vũ Văn Đại

1.3.6. Chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Nghiên cứu cơ bản các khái niệm và lĩnh vực có liên quan đến việc dạy - học tiếng Pháp	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đỗ Thị Bích Thủy PGS. TS. Trịnh Văn Minh
2	Những thành tố của Quan điểm hành động trong Giáo học pháp ngoại ngữ hiện nay	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đỗ Thị Bích Thủy PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly
3	Lý thuyết thụ đắc Ngôn ngữ và Phương pháp dạy và học tiếng Pháp cho đối tượng đặc thù (trẻ em, người lớn tuổi...)	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đỗ Thị Bích Thủy PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh
4	Đa ngữ (plurilinguisme) và vấn đề dạy – học ngoại ngữ thứ 2	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
6	Lý thuyết các ngành khoa học liên ngành và việc dạy – học các hành động ngôn từ	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đỗ Thị Bích Thủy PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh
7	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ dưới ánh sáng của các lý thuyết mới	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đỗ Thị Bích Thủy PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh

1.3.7. Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Nghiên cứu từ ngữ mới trong tiếng Hán với bối cảnh văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh GS. TS. Nguyễn Văn Khang PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài
2	Nghiên cứu cách sử dụng kính ngữ trong các văn bản giao dịch kinh tế, ngoại giao...	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh
3	Nghiên cứu đối chiếu cách dùng từ ngữ giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài
4	Nghiên cứu đối chiếu các nhóm hư từ đồng nghĩa giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền GS. TS. Nguyễn Văn Khang PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài
5	Nghiên cứu đối chiếu cách biểu đạt phạm trù không gian, thời gian giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm GS. TS. Nguyễn Văn Khang PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài
6	Nghiên cứu đối chiếu các từ ngữ văn hoá biểu đạt cùng một phạm trù giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Chăm Tú Tài
7	Nghiên cứu đối chiếu các thể thức giao tiếp giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài GS. TS. Nguyễn Văn Khang
8	Nghiên cứu đánh giá về các vấn đề dùng từ, chuyển đổi kết cấu trong các bản dịch song ngữ Hán - Việt	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
		GS. TS. Nguyễn Văn Khang
9	Phân tích, đánh giá và bổ sung nội dung vào các từ điển song ngữ Hán - Việt	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh GS. TS. Nguyễn Văn Khang
10	Vận dụng các kết quả đối chiếu ngôn ngữ Hán Việt trong thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Hán cho người Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài

1.3.8. Chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
1	Nghiên cứu phương pháp giảng các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết (với những đối tượng cụ thể)	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
2	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy các môn Lý thuyết (Đất nước học, Văn học, Lý thuyết tiếng, tiếng Hán chuyên ngành...)	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
3	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán (với những đối tượng cụ thể)	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
4	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy dịch gồm Hán - Việt, Việt - Hán; dạy dịch nói, dạy dịch viết từng/ các giai đoạn	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
5	Nghiên cứu lỗi sai của học sinh (sinh viên) từng cấp và từng hình thức đào tạo về Từ vựng, Ngữ pháp, chữ Hán	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
6	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp giáo trình; thiết kế giáo trình; sử dụng giáo trình các cấp học, các giai đoạn	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
7	Nghiên cứu sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học các kỹ năng và các môn lý thuyết.	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
8	Nghiên cứu phương pháp tạo hứng thú trong học tập tiếng Hán của học sinh (sinh viên) với một hoặc một số kỹ năng và từng môn lý thuyết (Nhất là những môn xưa nay được coi là khô khan, khó gây hứng thú).	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài
9	Nghiên cứu thực trạng sử dụng tiếng Trung Quốc của học sinh, sinh viên Việt Nam (có thể chọn trong giao	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn
	tiếp nói, viết. dịch...) và giải pháp đề xuất nâng cao chất lượng.	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Cầm Tú Tài

1.4. Danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn phụ) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh (Danh sách cán bộ khoa học dưới đây được gợi ý có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, thí sinh có thể căn cứ các **Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại mục 1.1. và 1.2. ở trên** để mời cán bộ khoa học khác làm cán bộ hướng dẫn (độc lập/chính/phụ/đồng hướng dẫn) cho mình)

a. Tiếng Anh

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Anh	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Anh
1	Đỗ Tuấn Minh	7	Đỗ Tuấn Long
2	Lâm Thị Hoà Bình	8	Phùng Hà Thanh
3	Hoàng Thị Hạnh	9	Lại Thị Phương Thảo
4	Phạm Thị Hạnh	10	Huỳnh Anh Tuấn
5	Đỗ Minh Hoàng	11	
6	Hoàng Trà My		

TT	Họ và tên cán bộ khoa học chuyên ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh	TT	Họ và tên cán bộ khoa học chuyên ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh
1	Trần Thị Lan Anh	16	Mai Ngọc Khôi
2	Phạm Lan Anh	17	Nguyễn Huy Kỳ
3	Nguyễn Thị Chi	18	Mai Thị Loan
4	Nguyễn Chí Đức	19	Nguyễn Văn Long
5	Lê Thị Hồng Duyên	20	Dương Thu Mai
6	Vũ Hải Hà	21	Trần Thanh Nhàn
7	Nguyễn Thu Lệ Hằng	22	Trần Thị Thanh Phúc
8	Nguyễn Thu Hiền	23	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
9	Trần Thị Thu Hiền	24	Đặng Ngọc Sinh
10	Hoàng Thị Xuân Hoa	25	Nguyễn Thị Thơm Thơm
11	Tạ Thị Thanh Hoa	26	Nguyễn Thị Bích Thủy
12	Lê Hương Hoa	27	Nguyễn Thị Minh Trâm
13	Cao Thuý Hồng	28	Nguyễn Thị Quỳnh Yến
14	Nguyễn Việt Hùng	29	
15	Nguyễn Thị Hương		

b. Tiếng Nga

TT	Họ và tên cán bộ khoa học chuyên ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Nga	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Nga
1	Phạm Dương Hồng Ngọc	1	Đinh Thị Thu Huyền
2	Khuông Thị Thu Trang	2	Nguyễn Thị Thanh Hà
3	Nguyễn Mạnh Hải	3	Nguyễn Thị Thương
4	Hoàng Thị Hằng	4	Trịnh Thị Phan Anh
5	Ngô Thị Minh Thu	5	

c. Tiếng Pháp

TT	Họ và tên cán bộ khoa học chuyên ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Pháp
1	Lưu Thị Kim Anh	1	Đỗ Lan Anh
2	Lê Thị Phương Lan	2	Nguyễn Thanh Hoa
3	Hoàng Thị Bích	3	Bùi Thị Ngọc Lan
4	Đặng Thùy Dương	4	Đàm Minh Thủy
5	Đặng Kim Hoa	5	Đỗ Thanh Thủy
6	Trần Phùng Kim		
7	Lê Thị Phương Lan		
8	Nguyễn Việt Quang		
9	Đặng Thị Thanh Thủy		
10	Bùi Thị Thu Hương		

d. Tiếng Trung Quốc

TT	Họ và tên cán bộ khoa học chuyên ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
1	Nguyễn Thị Lê Dung	1	Nguyễn Ngọc Anh
2	Trần Linh Hương Giang	2	Trần Thị Hoàng Anh
3	Trịnh Thanh Hà	3	Nguyễn Thị Hương Giang
4	Võ Thị Minh Hà	4	Nguyễn Thị Thu Hà
5	Nguyễn Thu Hằng	5	Đinh Văn Hậu
6	Nguyễn Thị Hảo	6	Đỗ Thị Thanh Huyền
7	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	7	Nguyễn Thị Minh
8	Đinh Thu Hoài	8	Nguyễn Thị Bảo Ngân
9	Phạm Thuý Hồng	9	Bùi Thị Thuý Phương
10	Nguyễn Quang Hưng	10	Nguyễn Thị Lê Quyên
11	Phạm Thị Thu Hường	11	Nguyễn Anh Thục

TT	Họ và tên cán bộ khoa học chuyên ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
12	Trần Thị Bích Hương	12	Phạm Minh Tiến
13	Lê Xuân Khai	13	Lê Thị Huyền Trang
14	Đỗ Thu Lan	14	Phạm Đức Trung
15	Trần Thị Kim Loan	15	Nguyễn Đại Cồ Việt
16	Nguyễn Thị Luyện	16	Vũ Thanh Xuân
17	Phạm Văn Minh		
18	Bùi Thị Hằng Nga		
19	Cao Như Nguyệt		
20	Ngô Minh Nguyệt		
21	Nguyễn Thị Phụng		
22	Hoa Ngọc Sơn		
23	Hoàng Thị Băng Tâm		
24	Đinh Thị Hồng Thu		

Phụ lục 2. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp trong tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026
(Kèm theo Thông báo số 1136 /TB-ĐHNN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

STT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp – không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp – phải học bổ sung kiến thức		
				Tên ngành	Học phần cần học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	- Ngôn ngữ Anh - Giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ - Đại học nước ngoài cấp có ngôn ngữ học tập là Tiếng Anh: • English/ American/ Australian studies • Applied linguistics • British/ English/ American literature • Education (liên quan đến giáo dục ngôn ngữ) • Linguistics			
2.	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	- Sư phạm Tiếng Anh/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh, Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia - Giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ - Đại học nước ngoài cấp có ngôn ngữ học tập là Tiếng Anh: • English/ American/ Australian studies • Applied linguistics • British/ English/ American literature • Education (liên quan đến giáo dục ngôn ngữ) - Linguistics			
3.	Lý luận và	Sư phạm tiếng	- Ngôn ngữ Nga	- Giáo dục học	Thí sinh có bằng	Số tín chỉ

STT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp – không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp – phải học bổ sung kiến thức		
				Tên ngành	Học phần cần học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
	phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga	Nga/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga Теория и методика преподавания иностранных языков/ русского языка как иностранного Лý luận và Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ/ tiếng Nga như một ngoại ngữ	- Теория и методика обучения и воспитания (русский язык) / Lý luận và phương pháp dạy học và giáo dục (bộ môn tiếng Nga) - Педагогическое образование. Русский язык как иностранный: лингвокультурология и лингводидактика / Khoa học giáo dục. Tiếng Nga như một ngoại ngữ: Ngôn ngữ học văn hóa và lý luận giảng dạy ngôn ngữ - Русский язык как иностранный: теория и методика профессионального образования / Tiếng Nga như một ngoại ngữ: lý luận và phương pháp dạy học trong giáo dục nghề nghiệp - Филология (Русский язык) Ngôn ngữ học (tiếng Nga) - Лингвистика (Русский язык) Ngữ văn (tiếng Nga)	- Quản lý giáo dục/ Quản lý khoa học - Các ngành học được Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.	thuộc danh mục này cần có chứng chỉ năng lực tiếng Nga bậc 5 hoặc tương đương.	cần học bổ sung sẽ do Hội đồng Khoa học và Đào tạo quyết định dựa trên hồ sơ cụ thể của thí sinh.
4.	Ngôn ngữ Nga	- Ngôn ngữ Nga - Ngôn ngữ học (Лингвистика) - Ngữ văn (Филология)	- Sur phạm tiếng Nga/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga - Tiếng Nga. Ngôn ngữ các dân tộc Nga (Русский язык. Языки народов России) - Ngôn ngữ học cơ bản và ứng dụng (Фундаментальная и прикладная лингвистика) - Ngôn ngữ học lý thuyết, ứng dụng và so sánh đối chiếu (Теоретическая,	- Dịch và dịch thuật học (Перевод и переводоведение) - Văn học Nga và văn học các dân tộc LB Nga (Русская литература и литературы народов Российской Федерации)	- Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga - Động từ tiếng Nga - Ngữ nghĩa mức độ của tính từ trong tiếng Nga - Cấu tạo thực từ tiếng Nga - Những vấn đề hình thái học tiếng Nga - Những vấn đề cú	3 3 3 3 3 3

STT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp – không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp – phải học bổ sung kiến thức		
				Tên ngành	Học phần cần học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
			прикладная и сравнительно-сопоставительная лингвистика) - Các ngành học được Hội đồng tuyển sinh hoặc Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.		pháp học tiếng Nga	
				Các ngành học được Hội đồng tuyển sinh hoặc Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.	Do hội đào tuyển sinh quyết định phù hợp với ngành học được xét	Số tín chỉ cần học bổ sung sẽ do Hội đồng Khoa học và Đào tạo quyết định dựa trên hồ sơ cụ thể của thí sinh.
5.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp	- Ngôn ngữ Pháp - Đại học nước ngoài cấp có ngôn ngữ học tập là Tiếng Pháp: • Linguistique appliquée • Lettres Modernes / Langue et Littérature françaises / Littératures de Langue Française • Science du langage • Science de l'Education (liên quan đến giáo dục ngôn ngữ) • Linguistique			
6.	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	- Sư phạm Tiếng Pháp/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp - Đại học nước ngoài cấp có ngôn ngữ học tập là Tiếng Pháp: • Linguistique appliquée • Lettres Modernes / Langue et Littérature françaises / Littératures de			

STT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp – không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp – phải học bổ sung kiến thức		
				Tên ngành	Học phần cần học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
			Langue Française • Science du langage • Science de l’Education (liên quan đến giáo dục ngôn ngữ) • Linguistique			
7.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc	Sư phạm Tiếng Trung Quốc/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc Sư phạm Tiếng Trung Quốc 汉语师范	- Ngôn ngữ Trung Quốc 中国语言 - Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Trung Quốc 汉语教学方法与理论 - Ngôn ngữ Văn tự học tiếng Trung Quốc 汉语言文字学 - Giáo dục Hán ngữ quốc tế 汉语国际教育 - Ngôn ngữ Văn học Hán 汉语言文学 - Ngôn ngữ Hán 汉语言 - Ngôn ngữ học Ứng dụng (tiếng Hán) 应用语言学 - Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Hán) 语言及应用语言学 - Hán ngữ đối ngoại 对外汉语 - Giáo dục Hán ngữ 汉语教育 - Giáo dục Hán ngữ đối ngoại 对外汉语教育 - Phiên dịch tiếng Hán 汉语翻译 - Biên – Phiên dịch tiếng Hán 汉语口译与笔译 - Hán ngữ thương mại 商务汉语 - Ngôn ngữ học tính toán (tiếng Hán) 计算语言学	- Truyền bá ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc 中国语言与文化传播 - Văn học Trung Quốc 中国文学 - Văn học so sánh và văn học Thế giới 比较文学与世界文学 - Nghiên cứu Văn hóa Trung Quốc 中国文化研究 - Ngôn ngữ và Văn học các dân tộc thiểu số Trung Quốc 中国少数民族语言文学 - Ngôn ngữ và Văn học nước ngoài 外国语言文学 - Nghiên cứu Văn hiến Cổ điển Trung Quốc 中国古典文献学 - Báo chí và Truyền thông (tiếng Hán) 新闻传播学 - Tiếng Hán Luật 法律汉语	CHI2049, Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1 CHI2049, Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2 CHI2047, Giao tiếp liên văn hóa CHI3049, Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc CHI3031, Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3 3 3 3

STT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp – không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp – phải học bổ sung kiến thức		
				Tên ngành	Học phần cần học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
				- Giao lưu văn hóa Trung Quốc và nước ngoài 中外文化交流		
8.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc 中国语言	- Sư phạm Tiếng Trung Quốc/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc - Sư phạm Tiếng Trung Quốc 汉语师范 - Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Trung Quốc 汉语教学方法与理论 - Ngôn ngữ Văn tự học tiếng Trung Quốc 汉语言文字学 - Giáo dục Hán ngữ quốc tế 汉语国际教育 - Ngôn ngữ Văn học Hán 汉语言文学 - Ngôn ngữ Hán 汉语言 - Ngôn ngữ học Ứng dụng (tiếng Hán) 应用语言学 - Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Hán) 语言及应用语言学 - Hán ngữ đối ngoại 对外汉语 - Giáo dục Hán ngữ 汉语教育 - Giáo dục Hán ngữ đối ngoại 对外汉语教育 - Phiên dịch tiếng Hán 汉语翻译 - Biên – Phiên dịch tiếng Hán 汉语口译与笔译 - Hán ngữ thương mại 商务汉语	- Truyền bá ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc 中国语言与文化传播	CHI2049, Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1	3
				- Văn học Trung Quốc 中国文学		3
				- Văn học so sánh và văn học Thế giới 比较文学与世界文学	CHI2049, Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3
				- Nghiên cứu Văn hóa Trung Quốc 中国文化研究		
				- Ngôn ngữ và Văn học các dân tộc thiểu số Trung Quốc 中国少数民族语言文学	CHI2047, Giao tiếp liên văn hóa	3
				- Ngôn ngữ và Văn học nước ngoài 外国语言文学	CHI3049, Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	3
				- Nghiên cứu Văn hiến Cổ điển Trung Quốc 中国古典文献学	CHI3031, Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	
				- Báo chí và Truyền thông (tiếng Hán) 新闻传播学		
				- Tiếng Hán Luật 法律汉语		
				Giao lưu văn hóa Trung Quốc và nước ngoài 中外		

STT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp – không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp – phải học bổ sung kiến thức		
				Tên ngành	Học phần cần học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
			- Ngôn ngữ học tính toán (tiếng Hán) 计算语言学	文化交流		

Ghi chú:

- Những thí sinh đã tham gia đào tạo tại các trường nước ngoài hoặc chương trình đào tạo liên kết quốc tế bậc đại học và thạc sĩ sẽ được xem xét điều kiện hồ sơ dự tuyển tiến sĩ (ngành đúng/ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức) trước khi được xét duyệt hồ sơ tuyển sinh. Thí sinh có bằng cử nhân, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần bổ sung các học phần Triết học dành cho học viên sau đại học.
- Đối với thí sinh thuộc ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức, thí sinh cần hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.
- Đối với các trường hợp không thuộc danh mục trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định xét tuyển cho từng trường hợp cụ thể dựa trên hồ sơ của thí sinh.

**Phụ lục 3. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ chuyên môn
trong tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026**
(Kèm theo Thông báo số 1136/TB-ĐHNN ngày 02 tháng 7 năm 2026
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Kết quả học tập ở bậc thạc sĩ hoặc cử nhân	15
	- Có điểm trung bình chung các môn học từ 9.0/10 hoặc 3.6/4.0 trở lên, có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.	15
	- Có điểm trung bình chung các môn học từ 7.0/10 hoặc 2.5/4.0 trở lên, có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.	10
	- Có điểm trung bình chung các môn học từ 5.0/10 hoặc 2.0/4.0 trở lên có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.	5
2	Thành tích nghiên cứu khoa học đã có	15
	Việc đánh giá và cho điểm dựa trên các giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương trở lên hoặc các bài báo khoa học đã được đăng trên Tạp chí khoa học, Tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phân biện) thuộc lĩnh vực chuyên ngành đăng kí đào tạo.	15
	Các giải thưởng hoặc bài báo khoa học có nhiều người tham gia thì điểm được chia đều cho từng người. Với thí sinh có nhiều giải thưởng và nhiều bài báo, điểm cho phần này bằng	10
	tổng điểm của các giải thưởng và các bài báo nhưng không vượt quá mức tối đa 15 điểm.	5
3	Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong hai thư giới thiệu	10
	- Mức độ ủng hộ có kết hợp với tính khách quan và xác thực trong thư của người giới thiệu thứ nhất.	5
	- Mức độ ủng hộ có kết hợp với tính khách quan và xác thực trong thư của người giới thiệu thứ hai.	5
4	Trình bày của thí sinh	10
	Tiêu chí này nhằm đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về phương pháp, nội dung nghiên cứu, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.	
5	Đề cương nghiên cứu	50
	Tiêu chí này nhằm đánh giá ý nghĩa khoa học và thực tiễn cũng như tính khả thi của đề tài nghiên cứu thông qua nội dung, hình thức đề cương nghiên cứu. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên: giá trị khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu thông qua sự phù hợp với chuyên ngành đăng kí đào tạo, tính thời sự và sáng tạo, sự rõ ràng của mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu; mức độ khả thi của đề tài nghiên cứu thông qua năng lực, kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh đối với đề tài nghiên cứu, dự kiến kế hoạch thực hiện đề tài nghiên cứu hợp lí.	
	Tổng số điểm hồ sơ dự tuyển	100